



UNDERLAY BASE 900

Màng lót bitum biến tính SBS được gia cường bằng sợi thủy tinh sử dụng trên những mái dốc và được cố định lại về mặt cơ học



MÔ TẢ:

Màng bitum biến tính SBS UNDERLAY BASE 900 được sử dụng làm lớp lót cho ván lợp mái trong hệ thống mái dốc có chốt cơ học (đóng đinh).

Vật liệu được lắp đặt trên sàn gỗ cứng (OSB-3, ván ép, ván lười và ván rãnh). Không thể sử dụng nó ở các khu vực rãnh và mái hiên vì những khu vực này dễ bị rò rỉ nhất và cần phải sử dụng màng tự dính UNDERLAY NEXT SELF hoặc ULTRAFLEX SA.

LƯU Ý:

- Cả hai mặt của màng vật liệu đều được phủ một lớp cát hạt mịn để ngăn không cho dụng cụ bị trượt khỏi mái nhà dốc;
- Trọng lượng siêu nhẹ của màng giúp cho việc thi công trên mái nhà dốc trở nên dễ dàng và an toàn hơn;
- Hợp chất polyme-bitum chất lượng cao có đặc tính “tự phục hồi”, mang lại mức độ làm kín tuyệt đối ở những vị trí đóng đinh.



HIỆU SUẤT CÔNG TRÌNH

Vật liệu được lắp đặt trên sàn gỗ cứng liên tục (OSB-3, ván ép, ván hèm khoá hoặc ván rãnh). Bề mặt phải phẳng, nhẵn, sạch và khô. Căn chỉnh màng vuông góc với độ dốc và cố định nó bằng đinh lợp ở phía dọc trên cùng với khoảng cách cố định 20-25 cm. Lớp chồng dọc phải là 100 mm, ngang – 150 mm. Bôi một lớp bitum matit TECHNOMICOL FIXER rộng 10 cm rộng và dày tối đa 1 mm trên tất cả các chỗ chồng. Các đầu tiếp giáp của các cuộn liền kề phải được đặt lệch nhau ít nhất nửa mét. Thông tin chi tiết về việc lắp đặt được đưa ra trong các hướng dẫn sử dụng liên quan cho mái dốc với ván lợp TECHNOMICOL (phương pháp đóng đinh).

LƯU TRỮ VÀ VẬN CHUYỂN

Các cuộn vật liệu nên được lưu trữ trong nhà ở nơi khô ráo trong bao bì gốc của chúng và đưa đến công trường sẵn sàng để sử dụng. Cuộn nên được lưu trữ thẳng đứng trên pallet ở chiều cao 1 hàng. Cấm lưu trữ cuộn ở vị trí nằm ngang. Tránh va đập hoặc các tác động cơ học khác trong quá trình vận chuyển và lưu trữ.

Thời hạn sử dụng nếu đáp ứng tất cả các yêu cầu lưu trữ: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

HIỆU SUẤT ĐƯỢC KHAI BÁO:

Đặc điểm thiết yếu	Phương thức kiểm tra	Hiệu suất
Khối lượng trên một đơn vị diện tích, kg/m ²	EN 1849-1	0.9±0.1
Dài x rộng, m	EN 1848-1	20 x 1
Độ linh hoạt ở nhiệt độ thấp, °C	EN 1109-1	≤-5
Khả năng chống dòng chảy ở nhiệt độ cao, °C	EN 1110	≥95
Độ giãn dài khi đứt L/T, %	ASTM D5147	4±2 / 4±2
Độ bền kéo L/T, N/50 mm	ASTM D5147	400±100 / 400±100
Khả năng chống rách L/T, N	ASTM D4073	100±50 / 100±50
Loại gia cố	-	lưới thủy tinh
Loại lớp phủ bảo vệ trên cùng	-	cát hạt mịn
Loại lớp phủ bảo vệ ở phía dưới	-	cát hạt mịn

Chú thích: L/T – Dọc/Ngang (Longitudinal / Transverse);